

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN CẨM LỆ
TP. ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự Do - Hạnh phúc**

Bản án số: **61/2024/HNGĐ-ST**

Ngày 16.9.2024

“V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con chung”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN CẨM LỆ-TP. ĐÀ NẴNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Nga

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Trình

Ông Nguyễn Văn Trung

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Dự - Thư ký Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Cẩm Lệ ,TP Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Thu Sương - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 9 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 237/2024/TLST- HNGĐ ngày 03 tháng 7 năm 2024 về việc “*Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: **195/2024/QĐXXST-HNGĐ** ngày 26 tháng 8 năm 2024 giữa các đương sự:

-Nguyên đơn: Chị **Đỗ Thị Ngọc C**, sinh năm 1980 (có mặt)

Địa chỉ: P - Khu B -Khu C, Tổ A, phường H, quận C, TP Đà Nẵng.

-Bị đơn: Anh **Lê Xuân K**, sinh năm: 1978 (có mặt)

Địa chỉ: P - Khu B -Khu C, Tổ A, phường H, quận C, TP Đà Nẵng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, biên bản hòa giải và tại phiên tòa nguyên đơn chị Đỗ Thị Ngọc C trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân:

Vợ chồng tôi quen biết và tự tìm hiểu với nhau được khoảng gần hai năm thì kết hôn, hôn nhân tự nguyện, có tổ chức đám cưới trước sự chứng kiến của đại diện hai bên gia đình; có đăng ký kết hôn tại UBND phường H (nay H2), quận H, TP Đà Nẵng vào ngày 11/10/2002.

Sau khi kết hôn chúng tôi thuê nhà sống tại phường H (nay H2), quận H, TP Đà Nẵng. Từ năm 2012 thì vợ chồng tôi chuyển về sống tại P - Khu B -Khu C, Tổ A, phường H, quận C, TP Đà Nẵng cho đến nay.

Chúng tôi trong quá trình chung sống có phát sinh nhiều mâu thuẫn; Nguyên nhân mâu thuẫn là vợ chồng không hợp về tính cách; không hợp về quan điểm

sống; anh K ham nhậu nhẹt; không lo làm ăn; không quan tâm đến vợ con; có một lần anh K còn đánh tôi; mâu thuẫn của vợ chồng tôi trầm trọng vào đầu năm 2024.

Nay tôi xác định mình không còn tình cảm với anh K nên đề nghị Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với anh Lê Xuân K.

- Về quan hệ con chung: Tôi xác nhận vợ chồng có 03 con chung là: Lê Thị Xuân H, sinh ngày 01/5/2003; Lê Thị Xuân T, sinh ngày 31/5/2010; Lê Xuân H1, sinh ngày 12/4/2012.

Ly hôn, tôi yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung là Lê Thị Xuân T, sinh ngày 31/5/2010 và Lê Xuân H1, sinh ngày 12/4/2012.

Đối với con chung Lê Thị Xuân H, sinh ngày 01/5/2003 đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết.

Tôi yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi con 3.000.000đ/ tháng cho đến khi cháu H1 đủ 18 tuổi.

Tôi hiện nay đang làm nghề móng tay móng chân dạo; thu nhập hàng tháng của tôi khoảng 6.000.000đ/ 1 tháng.

- Về quan hệ tài sản chung: Không có.

- Về quan hệ nợ chung: Tự thỏa thuận không yêu cầu giải quyết.

** Tại biên bản hòa giải và tại phiên tòa bị đơn anh Lê Xuân K trình bày:*

-Về quan hệ hôn nhân: Vợ chồng tôi quen biết và tự tìm hiểu với nhau được khoảng gần hai năm thì kết hôn, hôn nhân tự nguyện, có tổ chức đám cưới trước sự chứng kiến của đại diện hai bên gia đình; có đăng ký kết hôn tại UBND phường H (nay H2), quận H, TP Đà Nẵng vào ngày 11/10/2002.

Sau khi kết hôn chúng tôi thuê nhà sống tại phường H (nay H2), quận H, TP Đà Nẵng. Từ năm 2012 thì vợ chồng tôi chuyển về sống tại P - Khu B -Khu C, Tổ A, phường H, quận C, TP Đà Nẵng cho đến nay.

Chúng tôi trong quá trình chung sống có phát sinh nhiều mâu thuẫn; Nguyên nhân mâu thuẫn là vợ chồng không hợp về tính cách; không hợp về quan điểm sống; tôi vẫn lo làm ăn để lo cho vợ con; tôi thừa nhận do nóng giận nên có một lần tôi đánh tôi cô C; mâu thuẫn của vợ chồng tôi trầm trọng vào đầu năm 2024.

Nay vợ tôi cô C yêu cầu ly hôn; tôi xác định mình vẫn còn tình cảm với cô C và cũng mong muốn các con có một gia đình trọn vẹn nên không đồng ý ly hôn.

- Về quan hệ con chung: Tôi xác nhận vợ chồng có 03 con chung là: Lê Thị Xuân H, sinh ngày 01/5/2003; Lê Thị Xuân T, sinh ngày 31/5/2010; Lê Xuân H1, sinh ngày 12/4/2012.

Nếu ly hôn, tôi yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung là Lê Thị Xuân T, sinh ngày 31/5/2010 và Lê Xuân H1, sinh ngày 12/4/2012.

Đối với con chung Lê Thị Xuân H, sinh ngày 01/5/2003 đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết.

Tôi yêu cầu cô C cấp dưỡng nuôi con 3.000.000đ/ tháng cho đến khi cháu H1 đủ 18 tuổi.

Tôi hiện làm nghề công nhân cơ khí cho người khác; thu nhập mỗi tháng trung bình từ 7.000.000đ đến 9.000.000đ/ 1 tháng.

- Về quan hệ tài sản chung: Không có.
- Về quan hệ nợ chung: Tự thỏa thuận không yêu cầu giải quyết.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Cẩm Lệ phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều đảm bảo.

Về nội dung: Đại diện Viện kiểm sát đề nghị căn cứ quy định tại Điều 51; Khoản 1 Điều 56; Khoản 1 Điều 81; Điều 82;83; 84 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Đỗ Thị Ngọc C đối với anh Lê Xuân K:

- Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Đỗ Thị Ngọc C được ly hôn với anh Lê Xuân K.

- Về quan hệ con chung:

Đối với con chung Lê Thị Xuân H, sinh ngày 01/5/2003 đã trưởng thành nên không giải quyết.

Xử:

+Giao con chung là Lê Thị Xuân T, sinh ngày 31/5/2010 cho chị Đỗ Thị Ngọc C trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con đủ 18 tuổi.

+Giao con chung là Lê Xuân H1, sinh ngày 12/4/2012 cho anh Lê Xuân K trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con đủ 18 tuổi.

+ Về cấp dưỡng nuôi con: Các bên không phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về quan hệ tài sản chung: Chị C và anh K xác định không có nên không đề cập giải quyết.

- Về quan hệ nợ chung: Chị C và anh K xác định vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập giải quyết.

Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm chị C phải chịu nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị C đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, sau khi nghe các đương sự trình bày ý kiến và tranh luận; sau khi nghe đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm về vụ án, sau khi thảo luận và nghị án, HĐXX nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Đỗ Thị Ngọc C khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ, TP Đà Nẵng thụ lý giải quyết tranh chấp ly hôn, nuôi con chung đối với anh Lê Xuân K và Tòa án đã thụ lý giải quyết đơn khởi kiện của chị C là đúng thẩm quyền được quy định tại Điều 28, Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Chị Đỗ Thị Ngọc C và anh Lê Xuân K quen nhau được khoảng gần hai năm thì kết hôn, hôn nhân tự nguyện, có tổ chức đám cưới trước sự chứng kiến của đại diện hai bên gia đình; có đăng ký kết hôn tại UBND phường H (nay

H2), quận H, TP Đà Nẵng vào ngày 11/10/2002 nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp cần được pháp luật công nhận và bảo vệ.

[2.2] Sau khi kết hôn, vợ chồng chị C anh K thuê nhà sống tại phường H (nay H2), quận H, TP Đà Nẵng. Từ năm 2012 thì vợ chồng anh chị chuyển về sống tại P - Khu B -Khu C, Tổ A, phường H, quận C, TP Đà Nẵng cho đến nay.

Theo chị C thì vợ chồng chị quá trình chung sống có phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là vợ chồng không hợp về tính cách; không hợp về quan điểm sống; anh K ham nhậu nhẹt; không lo làm ăn; không quan tâm đến vợ con; có một lần anh K còn đánh chị; mâu thuẫn của vợ chồng chị trầm trọng vào đầu năm 2024.

Nay chị C xác định mình không còn tình cảm với anh K nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Lê Xuân K.

Theo anh K, trong quá trình chung sống vợ chồng có phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là vợ chồng không hợp về tính cách; không hợp về quan điểm sống; tuy nhiên anh vẫn lo làm ăn để lo cho vợ con; anh thừa nhận do nóng giận nên có một lần anh đã đánh chị C; mâu thuẫn của vợ chồng anh trầm trọng vào đầu năm 2024.

Nay vợ anh là chị C yêu cầu ly hôn; anh xác định mình vẫn còn tình cảm với chị C và cũng mong muốn các con có một gia đình trọn vẹn nên không đồng ý ly hôn.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, chị C xác định chị không còn tình cảm với anh K nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Lê Xuân K.

[2.3] Với những tình tiết và chứng cứ trên, HĐXX xét thấy giữa chị C và anh K trong quá trình chung sống đã phát sinh những mâu thuẫn như sự thừa nhận của chị C và anh K; anh K không đồng ý với yêu cầu ly hôn của chị C vì anh cho rằng anh vẫn còn tình cảm với chị C và mong muốn cho các con có một gia đình trọn vẹn. Tuy nhiên, xem xét nguyện vọng của chị C thì thấy; chị C xác nhận hiện nay vợ chồng chị mặc dù sống chung trong một nhà nhưng hai người không còn quan tâm, yêu thương, chăm sóc lẫn nhau, tình cảm vợ chồng không có, mục đích hôn nhân không đạt được; chị C còn cho rằng nhiều lúc nóng giận anh K còn đánh đập chị. Trong quá trình hòa giải và tại phiên tòa, chính anh K cũng thừa nhận một số mâu thuẫn vợ chồng của anh như nội dung chị C đã trình bày là đúng; quá trình Tòa án tiến hành xác minh tại địa phương cũng cho thấy vợ chồng chị C anh K có tồn tại một số mâu thuẫn. Anh K mong muốn vợ chồng được đoàn tụ tuy nhiên anh K lại không đưa ra được phương án tối ưu nào để khắc phục những mâu thuẫn vợ chồng; tại phiên tòa chị C xác nhận chị cũng không còn tình cảm với anh K và vẫn cương quyết xin ly hôn.

Căn cứ Khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình Việt Nam nghĩ nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị C đối với anh Lê Xuân K là hợp lý.

[2.4] Về con chung: Chị C và anh K xác nhận vợ chồng có 03 con chung là: Lê Thị Xuân H, sinh ngày 01/5/2003; Lê Thị Xuân T, sinh ngày 31/5/2010; Lê Xuân H1, sinh ngày 12/4/2012. Hiện nay các con chung đều đang sống cùng với chị C và anh K.

Đối với con chung Lê Thị Xuân H, sinh ngày 01/5/2003 đã trưởng thành nên cả chị C và anh K đều không đề cập giải quyết.

Đối với con chung Lê Thị Xuân T, sinh ngày 31/5/2010; Lê Xuân H1, sinh ngày 12/4/2012 nếu ly hôn thì cả chị C và anh K đều có nguyện vọng yêu cầu được nuôi dưỡng cả 02 con chung.

Về cấp dưỡng nuôi con chung cả chị C và anh K đều yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung 3.000.000/ tháng cho đến khi con chung là cháu H1 đủ 18 tuổi.

[2.4.1] Xét nguyện vọng của chị C và anh K về con chung thì thấy:

Đối với con chung Lê Thị Xuân H, sinh ngày 01/5/2003 đã trưởng thành nên HĐXX không đề cập giải quyết.

Đối với con chung Lê Thị Xuân T, sinh ngày 31/5/2010 và Lê Xuân H1, sinh ngày 12/4/2012 hiện nay cả 02 cháu đều sống cùng ba mẹ; xét nguyện vọng của chị C và anh K thì cả hai đều muốn được nuôi cả hai con chung nêu trên; xét ý kiến của các cháu T và H1 thì các cháu đều có nguyện vọng được sống cùng với mẹ là chị C. Tuy nhiên, xét về điều kiện kinh tế cũng như các điều kiện khác hiện nay của cả chị C và anh K thì HĐXX thấy cần giao cho chị C và anh K mỗi người nuôi một cháu sẽ tạo điều kiện tốt nhất về nuôi dưỡng cũng như giáo dục cho các cháu; cháu T là con gái nghĩ nên giao cho mẹ nuôi; cháu H1 là con trai nghĩ nên giao cho ba nuôi là phù hợp.

Bên không trực tiếp nuôi con được quyền thăm nom, chăm sóc con chung theo quy định của pháp luật.

[2.4.2] Đối với vấn đề cấp dưỡng nuôi chung: Do chị C và anh K mỗi người được giao nuôi một con chung nên các bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[2.5] Về tài sản chung: Chị C anh K xác nhận không có do vậy HĐXX không đề cập giải quyết.

[2.6] Về nợ chung: Chị C anh K xác nhận vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết do vậy HĐXX không đề cập giải quyết.

[2.7] Về án phí HNGĐ sơ thẩm: Chị C phải chịu 300.000đ và được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị C đã nộp.

[2.8] Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng đề nghị: Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Đỗ Thị Ngọc C được ly hôn với anh Lê Xuân K; Về quan hệ con chung: Đối với con chung Lê Thị Xuân H, sinh ngày 01/5/2003 đã trưởng thành nên không đề cập giải quyết. Xử: Giao con chung là Lê Thị Xuân T, sinh ngày 31/5/2010 cho chị Đỗ Thị Ngọc C trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con đủ 18 tuổi; Giao con chung là Lê Xuân H1, sinh ngày 12/4/2012 cho anh Lê Xuân K trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con đủ 18 tuổi; Về cấp dưỡng nuôi con: Do chị C và anh K mỗi người được giao nuôi một con chung nên các bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về quan hệ tài sản chung: Chị C và anh K xác nhận không có nên không đề cập giải quyết. Về quan hệ nợ chung: Chị C và anh K xác nhận vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập giải quyết. Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm chị C phải chịu nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị C đã nộp.

Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của HĐXX nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: - Điều 51; Khoản 1 Điều 56; Khoản 1 Điều 81; Điều 82;83; 84 Luật hôn nhân và gia đình;
- Điều 147, Điều 266 và 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự;
- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đỗ Thị Ngọc C đối với anh Lê Xuân K về việc “*Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung*”.

I/ Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Đỗ Thị Ngọc C được ly hôn với anh Lê Xuân K.

II/ Về quan hệ con chung:

-Đối với con chung Lê Thị Xuân H, sinh ngày 01/5/2003 đã trưởng thành nên không đề cập giải quyết.

Xử:

+Giao con chung là Lê Thị Xuân T, sinh ngày 31/5/2010 cho chị Đỗ Thị Ngọc C trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con đủ 18 tuổi.

+Giao con chung là Lê Xuân H1, sinh ngày 12/4/2012 cho anh Lê Xuân K trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con đủ 18 tuổi.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Các bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- Bên không trực tiếp nuôi con được quyền thăm nom, chăm sóc con chung theo quy định của pháp luật.

III/ Về quan hệ tài sản chung: Không có.

IV/ Về quan hệ nợ chung: Tự thỏa thuận nên không đề cập giải quyết.

V/ Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) chị Đỗ Thị Ngọc C phải chịu nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ chị C đã nộp tại biên lai thu số 0001695 ngày 02/7/2024 tại Chi cục Thi hành án Dân sự quận Cẩm Lệ. Chị C đã nộp đủ án phí.

Chị Đỗ Thị Ngọc C , anh Lê Xuân K được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND quận Cẩm Lệ;
 - Chi cục THADS quận C ;
 - UBND phường H, q . H;
 - Các đương sự;
 - Lưu hồ sơ.
- (Giấy CNKH số: 235/2002
ngày 11/10/2002)

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Thanh N

Hội thẩm nhân dân **HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- VKSND quận Cẩm Lệ;
- Chi cục THADS quận Cẩm Lệ ;
- UBND phường Hòa Thọ Đông, q . Cẩm Lệ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

(Giấy CNKH số: 75/2018
ngày 10/7/2018)

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Thanh Nga

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa